

Dự thảo

QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Ban hành kèm theo Quyết định số:/QĐ-HĐQT ngày/...../2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

1.1. Quy chế này quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, hoạt động và mối quan hệ công tác của HĐQT với các cổ đông, Ban điều hành, Ban kiểm soát và với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo đúng quy định hiện hành của Pháp luật.

1.2. Quy chế này được áp dụng cho Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

2.1. Trừ khi các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Quy chế này quy định khác, các thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này sẽ được hiểu giống như các thuật ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ.

2.2. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) **“TDC”** là Công ty Cổ phần Cổ Phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương;
- b) **“Chủ tịch HĐQT”** là chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Cổ Phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương;
- c) **“Điều lệ”** là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cổ Phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16/04/2021;
- d) **“Hội đồng quản trị”** hoặc **“HĐQT”** có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Cổ Phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương;
- e) **“Phó Chủ tịch HĐQT”** là phó chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Cổ Phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương;
- f) **“Quy chế”** nghĩa là quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị này và bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào của nó vào từng thời điểm;
- g) **“Thành viên HĐQT”** là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Cổ Phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương.
- h) **“ĐHĐCĐ”** là Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Cổ Phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương.



Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Vị trí, vai trò, nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

3.1. HĐQT là cơ quan quản trị TDC, có toàn quyền nhân danh TDC để quyết định, thực hiện các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi, nghĩa vụ của TDC, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

3.2. Khi thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT phải tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Quy chế này. HĐQT chịu trách nhiệm trước Pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động cũng như những sai phạm trong quản lý, vi phạm Điều lệ, vi phạm pháp luật gây thiệt hại cho TDC.

3.3. HĐQT làm việc theo chế độ tập thể lãnh đạo, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền thông qua việc biểu quyết tại các phiên họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

3.4. Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành các Nghị quyết, quy chế, quyết định và các văn bản khác thuộc thẩm quyền của HĐQT đã được thông qua.

3.5. Để đảm bảo giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh giữa các kỳ họp của HĐQT, HĐQT có thể thành lập Ban thường trực HĐQT do Chủ tịch HĐQT làm trưởng ban. Ban thường trực HĐQT có quyền xử lý và quyết định mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, trừ những vấn đề được Ban thường trực HĐQT hoặc ủy viên HĐQT khác yêu cầu họp HĐQT để giải quyết. Chủ tịch HĐQT phân công công tác cụ thể cho các thành viên Ban thường trực HĐQT.

3.6. Khi Chủ tịch HĐQT vắng mặt, Phó Chủ tịch HĐQT hoặc một Ủy viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền đảm nhận công việc của mình và có trách nhiệm báo cáo lại cho Chủ tịch HĐQT các công việc đã giải quyết.

3.7. Các qui định chung liên quan đến HĐQT và thành viên HĐQT thực hiện theo các Điều 23, 24, 25, 26, 27 của Điều lệ.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

4.1. HĐQT có từ năm đến mười một thành viên. Số lượng cụ thể thành viên HĐQT từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4.2. Các chức danh trong HĐQT gồm có:

- a) 01 Chủ tịch HĐQT;
- b) 01 Phó Chủ tịch HĐQT; và
- c) Các Thành viên HĐQT.

4.3. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm. Nhiệm kỳ cụ thể của thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số lần không hạn chế. Số lượng thành viên HĐQT độc lập không điều hành sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định nếu pháp luật có yêu cầu.



Chương III
TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, BẦU,
MIỄN NHIỆM, BÀI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 5. Tiêu chuẩn, điều kiện của Chủ tịch hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị.

5.1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;
- b) Có sức khỏe tốt, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành pháp luật;
- c) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- d) Không được là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.
- e) Không thuộc các đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 2020;
- f) Không phải là người đã từng hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị phạt tù hoặc bị toà án tước quyền hành nghề mà TDC có đăng ký kinh doanh, có hoạt động kinh doanh hoặc/và theo quy định của Pháp luật;
- g) Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của TDC;
- h) Tại thời điểm được bổ nhiệm là thành viên HĐQT không trực tiếp liên quan đến vụ việc đang bị cơ quan có thẩm quyền điều tra, xác minh;

5.2. Trong trường hợp có các quy định của Pháp luật liên quan đến tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT và Chủ tịch HĐQT chưa được đề cập trong Quy chế này, hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với các qui định về tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT và Chủ tịch HĐQT trong Quy chế này, mà các qui định đó yêu cầu bắt buộc áp dụng cho các qui định về tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT và Chủ tịch HĐQT, thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được ưu tiên áp dụng.

5.3. Thành viên HĐQT độc lập: Căn cứ theo quy định của pháp luật, HĐQT sẽ đề xuất việc bầu bổ sung thành viên HĐQT độc lập sau đó trình lên đại hội đồng cổ đông để thông qua hoặc phê chuẩn. Thành viên HĐQT độc lập là thành viên HĐQT đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- b) Không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc) của các công ty con, công ty liên kết, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát;
- c) Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của công ty;



d) Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho công ty trong hai (02) năm gần nhất;

e) Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của công ty trong hai (02) năm gần nhất.

Điều 6. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

6.1. Việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và được thực hiện theo các quy định tại Điều lệ.

6.2. Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT, Ủy Viên HĐQT sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái hoặc cố ý làm trái với quy định Pháp luật và Điều lệ.

Điều 7. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

7.1. Toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của TDC phải chịu sự quản lý, chỉ đạo của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh TDC trừ những quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. HĐQT thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của mình phù hợp với quy định tại quy chế này, quy định tại điều lệ của TDC và quy định của pháp luật, cụ thể:

a) Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh hoặc kế hoạch điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của TDC trước khi trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;

b) Phê duyệt việc huy động và sử dụng vốn, việc đầu tư vốn, mua, bán cổ phần, thực hiện dự án đầu tư của TDC; phê duyệt toàn bộ các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm; phê duyệt việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của TDC; Phê duyệt các khoản tiền đề nghị thanh toán do Ban Điều hành đệ trình.

Đối với các hợp đồng và các giao dịch khác phải được sự phê duyệt của chủ tịch HĐQT (hoặc người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền) trước khi Tổng Giám đốc (hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền) ký kết, trừ những hợp đồng phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

c) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại.

d) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức định giá trước.

e) Quyết định giá chào bán cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền.

f) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định cổ tức tạm ứng, tổ chức việc chi trả cổ tức.

g) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban điều hành và quyết định mức lương, thưởng, các chế độ khác của các chức danh trên. Trước khi Tổng Giám đốc (hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền) ký kết hợp đồng lao động, mức lương, thưởng và các khoản lợi ích khác có liên quan đối với người lao động phải được sự phê duyệt của Chủ tịch HĐQT (hoặc người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền).



h) Xây dựng, ban hành quy chế nội bộ tại các phòng, ban, bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ tại trụ sở và các đơn vị trực thuộc của TDC.

i) Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể TDC.

j) Phê chuẩn các hoạt động khác của TDC như:

- Việc Thành lập chi nhánh hoặc Văn phòng đại diện của TDC.

- Việc Thành lập các phòng ban nội bộ trực thuộc và các công ty con của TDC.

- Việc Thực hiện, sửa đổi, hủy bỏ các hợp đồng lớn của TDC (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh) trừ các quyền thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Chỉ định và bãi nhiệm những người được TDC ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của TDC.

- Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài.

- Việc định giá các tài sản góp vào TDC không phải bằng tiền liên quan đến phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của TDC, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết công nghệ.

- Việc TDC mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại Cổ phần.

- Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà hội HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

- Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi Cổ phần của TDC.

k) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc.

l) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật và điều lệ.

m) Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ và quy chế này.

7.2. HĐQT có thể ủy quyền và quyết định cho Chủ tịch HĐQT, hoặc các thành viên HĐQT khác thay mặt cho HĐQT thực hiện quyền quản lý, phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được phân công, chủ tịch HĐQT hoặc các thành viên HĐQT khác phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đã thống nhất thông qua.

Chương IV

HỢP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH

Điều 8. Các cuộc họp Hội đồng quản trị.

8.1. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành theo qui định tại Điều lệ và theo Quy chế này.

8.2. Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp HĐQT.



8.3. HĐQT có thể họp định kỳ hoặc bất thường. HĐQT có thể họp tại trụ sở chính của TDC hoặc ở nơi khác theo quyết định của Chủ tịch HĐQT.

8.4. Chủ Tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm (5) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên HĐQT.

Thông báo mời họp được gửi bằng văn bản bằng đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại TDC.

8.5. Chủ Tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm Soát và Tổng Giám đốc cũng như đối với thành viên HĐQT.

Thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên HĐQT có quyền dự các cuộc họp của HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8.6. Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Thành viên HĐQT được uỷ quyền cho thành viên HĐQT khác dự họp và biểu quyết tại cuộc họp của HĐQT nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

8.7. Thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các hợp đồng, giao dịch qui định tại Điều 24 của Điều lệ không có quyền biểu quyết trong cuộc họp xem xét chấp thuận các hợp đồng, giao dịch đó của HĐQT.

8.8. Tùy tính chất quan trọng của từng cuộc họp mà chủ tịch HĐQT quyết định bỏ phiếu kín hay biểu quyết công khai, nếu bỏ phiếu kín thì mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản và phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín, được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Quyết định của HĐQT được thông qua tại cuộc họp nếu đa số thành viên dự họp, bao gồm phiếu biểu quyết của thành viên không trực tiếp dự họp, đồng ý (nguyên tắc đa số). Quyết định của HĐQT được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản nếu đa số thành viên HĐQT đồng ý (nguyên tắc đa số). Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định của Chủ tịch HĐQT là quyết định cuối cùng.

8.9. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên HĐQT tham dự khác một cách đồng thời.
- c) Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Quy chế này, thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.



d) Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành phù hợp với quy định của Điều lệ và Quy chế này sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định lại các nội dung đã thông qua bằng chữ ký đồng thuận của tối thiểu 50% số thành viên HĐQT bao gồm Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu trên 50% thành viên HĐQT trong biên bản.

e) Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi vào biên bản và có đầy đủ chữ ký của các thành viên HĐQT tham dự. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu qui định tại Điều 113 của Luật Doanh nghiệp. Biên bản họp HĐQT và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của TDC.

Điều 9. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội Đồng Quản Trị bằng văn bản

9.1. Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.

9.2. Thư ký Công ty chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi qua đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải bảo đảm đến địa chỉ liên lạc đăng ký của từng thành viên HĐQT.

9.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của TDC;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên HĐQT;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến;
- e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về HĐQT TDC;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ Tịch HĐQT hoặc thành viên được HĐQT ủy nhiệm.

9.4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên HĐQT và gửi về HĐQT theo quy định của HĐQT TDC.

9.5. Thư ký Công ty kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một (1) thành viên HĐQT. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của TDC;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
- c) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên HĐQT đã tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
- e) Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.

9.6. Thư ký Công ty tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính



xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

9.7. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của HĐQT thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên HĐQT trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

9.8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ theo quy định của Công ty.

9.9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT.

Điều 9. Thông tin trong nội bộ Hội đồng quản trị

9.1. Tại các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT có nhiệm vụ báo cáo các vấn đề được phân công, ủy quyền đã giải quyết, thực hiện trong thời gian giữa hai kỳ họp của HĐQT.

9.2. Các Biên bản họp, nghị quyết, thông báo, công văn chỉ đạo của HĐQT phải được gửi đến tất cả thành viên HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát.

9.3. Trong vòng mười (10) ngày kể từ khi nhận được các văn bản nêu tại Khoản 9.2 Điều này, các thành viên HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát có thể phản hồi ý kiến về nội dung (nếu có), sau thời hạn đó nếu không có ý kiến xem như thống nhất nội dung các văn bản này.

Chương V NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 10. Công khai các lợi ích liên quan

Thành viên HĐQT phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với TDC theo qui định tại Điều lệ của TDC.

Điều 11. Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị

11.1. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao, tiền thưởng và các lợi ích khác tương xứng với công việc và đóng góp của mình với tư cách là thành viên HĐQT. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên. Tổng mức thù lao, tiền thưởng và các lợi ích khác cho các thành viên HĐQT sẽ do ĐHĐCĐ quyết định.

11.2. Các thành viên của HĐQT có quyền được thanh toán các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, kể cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và các tiểu ban của HĐQT. Các chi phí này được tính vào chi phí quản lý của Công ty trên cơ sở hợp lý và có hóa đơn chứng từ hợp lệ theo qui định của Công ty và Pháp luật.

Điều 12. Các Tiểu ban, Ban, Hội đồng chuyên môn

12.1. Trong trường hợp cần thiết, HĐQT có thể thành lập các Ủy ban, Ban, Hội đồng chuyên môn để giúp HĐQT thực hiện một số dự án, chương trình, công tác quan trọng của TDC.

12.2. Nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc làm việc, thời gian hoạt động của các Tiểu ban, Ban, Hội đồng chuyên môn được quy định tại quyết định thành lập do HĐQT ban hành.



12.3. Thành phần nhân sự các Tiểu ban, Ban, Hội đồng chuyên môn do HĐQT quyết định theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT.

Điều 13. Thư ký Công ty

13.1. Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm.

13.2. Thư ký HĐQT có chức năng nhiệm vụ sau:

- a) Thông báo các cuộc họp HĐQT;
- b) Tổ chức các cuộc họp của HĐQT, Ban kiểm soát và Đại Hội đồng cổ đông theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát.
- c) Ghi biên bản của các cuộc họp HĐQT;
- d) Cung cấp thông tin, bản sao biên bản họp HĐQT cho các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát và cổ đông;
- e) Quản lý văn thư đi, đến của HĐQT;
- f) Lưu trữ, bảo quản hồ sơ, tài liệu của HĐQT;
- g) Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của HĐQT;
- h) Thư ký có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ;
- i) Các công việc khác theo sự phân công của HĐQT.

Điều 14. Bộ phận Quản lý vốn cổ phần

14.1. HĐQT có thể thành lập Bộ phận Quản lý vốn cổ phần hoặc thuê bên thứ ba cung cấp dịch vụ.

14.2. Nhân sự Bộ phận Quản lý vốn cổ phần do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT.

14.3. Bộ phận Quản lý vốn cổ phần có chức năng, nhiệm vụ quản lý Sổ đăng ký cổ đông và toàn bộ các vấn đề khác có liên quan đến cổ đông, cổ phiếu, cổ phần của TDC.

14.4. Phòng Quản lý tài chính của TDC có nhiệm vụ phối hợp, theo dõi, kiểm soát về mặt kế toán, hạch toán trong việc quản lý cổ phần; các đợt tăng vốn điều lệ; tính toán và chi trả cổ tức cho cổ đông... theo nghị quyết của HĐQT.

Điều 15. Mối quan hệ làm việc của Hội đồng quản trị

15.1. Đối với bên ngoài: Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT được HĐQT uỷ nhiệm quan hệ với các cơ quan quản lý Nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác với tư cách đại diện cho HĐQT của TDC.

15.2. HĐQT và các thành viên HĐQT phải luôn coi trọng lợi ích của Cổ đông, phải có trách nhiệm cung cấp kịp thời và đầy đủ cho các Cổ đông những thông tin cần thiết trong giới hạn được cung cấp; đồng thời phải giữ mối liên hệ chặt chẽ, mật thiết và thường xuyên, lâu dài với các Cổ đông của TDC.

15.3. Đối với Ban kiểm soát: Trong quá trình hoạt động, HĐQT luôn hợp tác



chặt chẽ với Ban kiểm soát tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu, thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban kiểm soát. HĐQT hỗ trợ Ban kiểm soát trong quá trình kiểm tra, kiểm soát các hoạt động quản trị, kinh doanh, quản lý, điều hành TDC; đồng thời phải có trách nhiệm theo dõi, chỉ đạo quá trình chân chính và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban Kiểm Soát sau mỗi lần kiểm tra, phúc tra, kể cả những sai phạm của HĐQT và các thành viên HĐQT.

15.4. Đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành:

a) HĐQT có trách nhiệm tuyển dụng và bổ nhiệm Tổng Giám đốc có trình độ, năng lực và đạo đức tốt cho TDC. Khi lựa chọn Tổng Giám đốc, HĐQT phải bảo đảm rằng Tổng Giám đốc có khả năng quản lý điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày để đạt được mục tiêu kế hoạch của TDC đề ra. Các tiêu chí về đạo đức nghề nghiệp và trình độ chuyên môn phải được ưu tiên trong khi lựa chọn Tổng Giám đốc. HĐQT ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT phê chuẩn Hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc.

b) HĐQT tạo điều kiện cho Tổng Giám đốc về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và thiết lập hành lang pháp lý nội bộ, giúp bộ máy điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao;

c) Trường hợp Tổng Giám đốc vắng mặt và không thể điều hành được (do đi công tác, nghỉ phép hằng năm hoặc lý do khác), thì thực hiện như sau:

- Từ ba (3) ngày đến 5 (năm) ngày làm việc, thì ủy quyền cho một Phó Tổng Giám đốc hoặc người khác trong Ban Tổng Giám đốc, Ban điều hành thay mình giải quyết công việc điều hành TDC trong thời gian Tổng Giám đốc vắng mặt;

Trên năm (5) ngày làm việc thì phải được HĐQT chấp thuận. Trên cơ sở được sự chấp thuận của HĐQT, Tổng Giám đốc phải ủy quyền cho một Phó Tổng Giám đốc hoặc người khác trong Ban Tổng Giám đốc, Ban điều hành thay mình giải quyết công việc điều hành TDC trong thời gian Tổng Giám đốc vắng mặt.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Điều khoản thi hành

18.1. Quy chế này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua và Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định ban hành.

18.2. Quy chế này thay thế toàn bộ Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT được ban hành theo quyết định số 05/QĐ-HĐQT ngày 11/09/2014.

18.3. Những nội dung không qui định tại Quy chế này sẽ được thực hiện theo qui định của Điều lệ công ty và Pháp luật hiện hành.

18.4. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

18.5. Các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các đơn vị, cá nhân có liên quan thuộc TDC chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

